

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 266/2024/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2024
V/v Tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Công

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Huỳnh Hường

2. Bà Lưu Xông Pha

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 305/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 284/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Võ Trọng N, sinh năm 1995 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã N, huyện P, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Chị Trịnh Thị T, sinh năm 1997 (xin vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 12/4/2024, biên bản hòa giải ngày 17/6/2024, nguyên đơn anh Võ Trọng N trình bày: - Về hôn nhân: Anh và Trịnh Thị T sống chung với nhau vào năm 2022, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Nguyên nhân dẫn đến ly hôn là trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, thường hay cãi nhau, anh và chị T đã ly thân hơn 01 năm nay. Xét thấy hôn nhân không hạnh phúc, anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị T.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 người con tên Trịnh Gia H, sinh ngày 20/01/2023, hiện đang sống cùng chị T. Khi ly hôn anh đồng ý giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Không đặc ra cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Các bên tự thỏa thuận; Về nợ chung: Không có không, không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 17/6/2024, chị Trịnh Thị T trình bày:* Chị thống nhất như trình bày của anh Võ Trọng N cụ thể như sau: Về hôn nhân: Chị với anh N không có đăng ký kết hôn theo quy định, xét thấy hôn nhân cũng đã xảy ra mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được nên chị đồng ý ly hôn với anh Võ Trọng N.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 người con Trịnh Gia H, sinh ngày 20/01/2023 đúng như anh N trình bày. Khi ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con; Chị không đặc ra việc cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung và nợ: Chị thống nhất trình bày của anh N, không yêu cầu tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

Bị đơn chị Trịnh Thị T có nơi cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh Võ Trọng N khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Trịnh Thị T, tranh chấp về con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án được xác định là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Anh Nguyễn là người khởi kiện nên xác định tư cách đương sự anh Nguyễn là nguyên đơn, chị T là bị đơn được quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Anh N và chị T có đơn xin vắng mặt. Căn cứ theo khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Võ Trọng N và chị Trịnh Thị T xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2022, hôn nhân tự nguyện. Tuy có đủ điều kiện kết hôn nhưng anh và chị không đăng ký kết hôn theo luật định. Anh N và chị T không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, anh và chị đã vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh và chị đã sống ly thân hơn 01 năm nay. Quá trình giải quyết vụ án chị T đồng ý ly hôn. Do hôn nhân có vi phạm về mặt hình thức là không có đăng ký kết hôn nên không được công nhận là vợ chồng phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp.

[3] *Về con chung:* Trong thời gian chung sống anh Võ Trọng N và chị Trịnh

Thị T có 01 người con chung tên Trịnh Gia H, sinh ngày 20/01/2023. Khi ly hôn anh Nguyễn g con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

Xét, con chung tên Trịnh Gia H. Hiện nay đang sống cùng với chị T, từ khi anh và chị sống ly thân đến nay cháu H sống cùng với chị, gần gũi với chị, ổn định về thời gian, phát triển tốt về mọi mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, tiếp tục giao cháu Trịnh Gia H cho chị Trịnh Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn k trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

[4] *Về tài sản chung*: Các bên tự thỏa thuận nên HĐXX không đặt ra xem xét. Sau này có phát tranh chấp được giải quyết ở vụ án khác

[5] *Về nợ chung*: Các bên xác định không có nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] *Về án phí*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Nguyễn p chịu tiền án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Võ Trọng N và chị Trịnh Thị T là vợ chồng.

- Về con chung: Tiếp tục giao cháu Trịnh Gia H, sinh ngày 20/01/2023 (Giới tính: Nam) cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Võ Trọng N không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc nuôi dạy con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Về án phí: Anh Võ Trọng N phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 300.000 đồng. Ngày 15/5/2024 anh N đã dự nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0004967 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, nay được chuyển thu án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân H. Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS H. Trần Văn Thời;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Chí Công